TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/DS-ST
Ngày: 05/6/2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chinh và ông Lê Đăng Huấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 05/6/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2026/QĐXX-DS ngày 09/02/2026 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2026/QĐXXST-DS ngày 05/5/2026:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – C/v: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q – C/v: Trưởng phòng xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Xuân T – C/v: Chuyên viên xử lý nợ (văn bản uỷ quyền số 045232/2025/UQN-CTQT ngày 31/12/2025); Có đơn xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số C N, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Lê Thị D1 (Vắng mặt);

Cùng trú tại: Thôn Y, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn, ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Do cần tiền để tiêu dùng cá nhân nên bà Lê Thị D1 có đến Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1) để vay vốn. Sau khi kiểm tra tính pháp lý cũng như điều kiện cho vay, V1 và bà Lê Thị D1 đã ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ, ngày 28/02/2023 (như ngân hàng đã cung cấp cho Toà án) để cho bà Lê Thị D1 vay số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng); Thời hạn vay là 60 tháng. Đây là khoản vay tín chấp nên bà D1 không thế chấp bất cứ tài sản gì cho V1. Đến ngày 17/3/2023, V1 đã giải ngân số tiền trên cho bà D1.

Ngày 14/5/2023, do bà D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên số nợ trên chuyển sang nợ quá hạn. Sau khi bà D1 không trả được nợ nên V1 đã nhiều lần nhắc nhở, thông báo nhưng bà vẫn cứ chây lỳ, không chịu hợp tác.

Tính đến ngày 05/6/2026, bà D1 nợ là 362.923.863 đồng đồng (Trong đó, nợ gốc: 118.242.734 đồng; nợ lãi: 244.681.129 đồng) và tiền lãi phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ, ngày 28/02/2023 giữa V1 với bà Lê Thị D1 cho đến khi trả nợ xong.

Bên cạnh đó, kể từ ngày 21/3/2026 bà Lê Thị D1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ, ngày 28/02/2023 mà các bên ký kết cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp, bà Lê Thị D1 vi phạm thời hạn trả nợ theo thoả thuận thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành án toàn bộ số nợ một lần theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Đề nghị bà Lê Thị D1 chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị D1 tình bày:

Do cần tiền để phục vụ nhu cầu đời sống nên tôi có đến Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1) để vay vốn. Sau khi kiểm tra tính pháp lý cũng như điều kiện cho vay, V1 và tôi đã ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ, ngày 28/02/2023 (như ngân hàng đã cung cấp cho Toà án) để cho tôi vay số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai triệu đồng); Thời hạn vay là 60 tháng. Đây là khoản vay tín chấp nên tôi không thế chấp bất cứ tài sản gì cho V1. Sau khi ký kết xong các văn bản, giấy tờ thì V1 đã giải ngân số tiền trên cho tôi. Do điều kiện làm ăn không đạt được như ý muốn nên tôi chưa trả được khoản nợ trên cho V1. Đến ngày 14/5/2023, tôi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên V1 đã chuyển khoản nợ trên sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn. Việc V1 nói đã nhiều lần nhắc nhở, thông báo nhưng tôi vẫn cứ chây lỳ, không chịu hợp tác là không đúng. Bởi lẽ, tôi không nhận được văn bản, giấy tờ gì liên quan đến việc ngân hàng N1, thông báo.

Đối với khoản vay trên, sau khi ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho tôi thì do quen biết với một người đàn ông lạ tên là Đồng Tuấn K, sinh năm 1987, địa chỉ: đường số H, phường A, quận G, thành phố Hồ chí Minh nên tôi có đưa thẻ tín dụng và mật khẩu thẻ trên cho người đàn ông đó. Sau đó, người đàn ông đó đã rút và chi tiêu riêng đối với số tiền trên.

Do đó, tính đến ngày 20/3/2026 tôi nợ là 333.115.607 đồng (Trong đó, nợ gốc: 118.242.734 đồng; nợ lãi: 213.872.873 đồng) và tiền lãi phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ, ngày 28/02/2023 mà các bên đã ký kết cho đến khi trả nợ xong thì tôi không đồng ý. Bởi hiện nay gia đình khó khăn nên tôi chỉ chấp nhận trả số tiền gốc là 118.242.734 đồng (Một trăm mười tám triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi bốn đồng). Còn đối với số tiền lãi là 213.872.873 đồng thì tôi không chấp nhận trả.

Nếu ngân hàng đồng ý như ý kiến của tôi thì tôi cũng chấp nhận kể từ ngày 21/3/2026 tôi sẽ chịu lãi suất phát sinh theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ, ngày 28/02/2023 mà các bên ký kết cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp, tôi vi phạm thời hạn trả nợ theo thoả thuận thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành án toàn bộ số nợ một lần theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Tôi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn, mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V với bị đơn bà Lê Thị D1 là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lên nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập. Vào ngày 20/5/2026 Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa; tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] ***Về nội dung tranh chấp:*** Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Vào ngày 28/02/2023 Ngân hàng TMCP V đã phát hành thẻ tín dụng cho bà Lê Thị D1 với số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, N mở kích hoạt thẻ là ngày 17/03/2023. Loại thẻ: Diamond W. Lãi suất theo quy định lãi suất thẻ V1 từng thời kỳ. Lãi suất và hạn mức thẻ V1 thông báo cho khách hàng thông qua thư chào mừng và sao kê hàng tháng cho khách hàng. Mục đích tiêu dùng cá nhân. Thời hạn của thẻ từ 17/3/2023 đến ngày 17/3/2028. Ngày sao kê là 25 hàng tháng, ngày thanh toán là 15 hàng tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà D1 đã sử dụng 119.742.734 đồng, đã trả gốc trong kỳ là 1.500.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 118.242.734 đồng, sau đó bà D1 không thanh toán bất kỳ khoản nợ đã sử dụng, khoản vay quá hạn từ ngày 14/5/2023.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thiết lập hợp đồng tín dụng mở thẻ ghi nợ giữa Ngân hàng với bà Lề Thị D2 với số tiền hạn mức là 120.000.000 đồng là có thật, việc xác lập hợp đồng vay tiền giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên cho vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 463 Bộ luật dân sự nhưng bà D2 chỉ thanh toán số nợ gốc 1.500.000 đồng. Sau đó không trả được khoản tiền gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Việc bà D2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị D1 trả số tiền nợ gốc 118.242.734 đồng và lãi tạm tính đến ngày 20/3/2026 là 213.872.873 đồng, đồng thời thu toàn bộ số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức trả hết nợ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Bà Lê Thị D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 207, Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V. Buộc bà Lê Thị D1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/6/2026) là 362.923.863 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc 118.242.734 đồng và lãi là 244.681.129 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (06/6/2026) bà Lê Thị D1 còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Lê Thị D1 phải chịu 18.146.193 đồng án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho Ngân hàng V 7.644.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001289 ngày 30/01/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

N*ơi nhận:*
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND khu vực 10 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 10 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn